



STT	Loại cây/Đường kính	Đơn giá bồi thường (đồng/cây)												
		Cây mới trồng (40cm= $H < 1m$)	$D \leq 2$ cm	$2 < D \leq 4$ (cm)	$4 < D \leq 6$ (cm)	$6 < D \leq 8$ (cm)	$8 < D \leq 10$ (cm)	$10 < D \leq 12$ (cm)	$12 < D \leq 14$ (cm)	$14 < D \leq 15$ (cm)				
15	Bời lời	24.730	49.460	74.281	86.433	98.584	116.861	126.000	135.138	144.277				
16	Gỗ đỏ	27.179	54.358	89.431	106.567	123.704	151.950	166.073	180.196	194.319				
17	Trầm hương (Đỏ bầu)	26.918	53.836	88.910	106.046	123.182	151.428	165.552	179.675	193.798				
18	Long não	23.640	47.281	72.102	84.254	96.405	114.682	123.821	132.959	142.098				
19	Bình linh lông, Bình linh nghệ	25.053	50.106	76.102	88.825	101.547	120.967	130.676	140.386	150.096				
20	Cắm xe (Da đá)	25.603	51.206	77.202	89.925	102.647	122.067	141.486	151.196	160.905				
21	Sơn huyết	29.118	58.236	93.310	110.446	127.582	155.828	169.952	184.075	198.198				
22	Lim xẹt	23.640	47.281	72.102	84.254	96.405	114.682	123.821	132.959	142.098				
23	Thành ngành	28.390	56.780	78.783	89.563	100.344	115.880	123.647	131.415	139.183				

2. Cây ở thời kỳ thu hoạch (đường kính > 15 cm)

STT	Nhóm gỗ/cấp kính D1.3	Đơn giá bồi thường (đồng/cây)							
		$15cm < D \leq 20cm$	$20cm < D \leq 25cm$	$25cm < D \leq 30cm$	$30cm < D \leq 35cm$	$35cm < D \leq 40cm$	$D > 40cm$		
1	Nhóm I	642.420	1.218.543	3.378.946	5.171.162	10.414.446	16.570.400		
2	Nhóm II	448.748	846.122	2.466.210	3.758.150	7.710.454	12.210.315		
3	Nhóm III	255.075	473.702	1.553.475	2.345.138	5.006.462	7.850.230		
4	Nhóm IV	205.582	390.924	1.159.841	1.777.982	3.683.762	5.871.867		
5	Nhóm V	175.292	328.619	790.467	1.200.349	2.254.732	3.557.128		
6	Nhóm VI-VIII	137.098	221.811	434.701	650.086	1.103.882	2.059.528		

Ghi chú:

* Phân loại nhóm cây sinh trưởng căn cứ theo hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCLN-KL ngày 23/12/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp.

* Phân loại nhóm gỗ: Căn cứ theo Quyết định số 2198/CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp và ban hành bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước.

* Đối với cây trầm hương trồng với mục đích tạo trầm thì tính thêm chi phí tác động cây tạo trầm (phải có hóa đơn, chứng từ chi phí tác động cây tạo trầm).

* Đối với những cây có đặc điểm như sau: Là những cây đã trưởng thành, bị khuyết tật nặng (sâu bệnh, cong queo, rỗng ruột, cụt ngọn...); hoặc những cây chưa trưởng thành nhưng có nhiều khiếm khuyết (cây cong queo, sâu bệnh, rỗng ruột, cụt ngọn hoặc sinh trưởng không bình thường), khó có khả năng tiếp tục sinh trưởng và phát triển đạt đến độ trưởng thành. Thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thực tế xác định mức bồi thường theo tỉ lệ % tương ứng với tỉ lệ % lợi dụng gỗ so với cây có đặc điểm phát triển bình thường có đường kính tương ứng với cây trồng đó.

* Đối với cây mới trồng gieo hạt (chiều cao nhỏ hơn 40cm) mức bồi thường 500 đồng/cây; cây mới trồng bằng cây giống trong bầu (có chiều cao dưới 40 cm), mức bồi thường 3.764 đồng/cây.

II. Nhóm cây khác: Cây Tầm vòng, Lò ô, các loại Tre, trúc, dứa nước

STT	Loại cây/cấp kính D _{1,3}	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
1	Cây Tầm vòng, Lò ô		
	Đường kính từ 4cm trở lên	đồng/cây	25.000
	Đường kính dưới 4 cm	đồng/cây	15.000
2	Tre các loại		
	Đường kính từ 10 cm trở lên	đồng/cây	40.000
	Đường kính 4-10 cm	đồng/cây	25.000
	Đường kính dưới 4 cm	đồng/cây	15.000
3	Trúc các loại	đồng/cây	10.000
4	Dừa nước		
	Chiều cao trung bình < 1m	đồng/m ²	5.000
	Chiều cao trung bình 1-3m	đồng/m ²	10.000
	Chiều cao trung bình >3m	đồng/m ²	20.000

Ghi chú:

- Đối với cây gãy đổ, cụt ngọn, gãy dập không tính giá bồi thường.
- Cây tầm vòng, Lò ô, Tre các loại đường kính đo tại điểm cách mặt đất 1,3 m.